BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BXD ngày 17/12/2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ủy quyền cho Vụ trưởng vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường ký văn bản công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần Fbuild và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14 tháng 01 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần Fbuild.

Địa chỉ: Số 275/30/1A, Đường Phước Thiện, P. Long Bình, Quận 9, Tp Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0314219628.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và giám định công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 275/30/1A, Đường Phước Thiện, P. Long Bình, Quận 9, Tp Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1756**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần Fbuild;
- Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Trung Thành

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1756

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số: 85 /GCN-BXD, ngày 25 tháng 01 năm 2018)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗ hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
7	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
8	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Số: 778/98/QĐ-BXD, ngày: 5/9/98
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
9	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
10	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
11	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
12	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06
13	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
14	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
15	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
16	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
17	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
18	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
19	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
20	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
21	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
22	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:12
23	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
24	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
25	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
26	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06
27	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D 2166-01
28	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D2850 TCVN 8868:11
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
29	Thử kéo	TCVN 1651:08
30	Thử uốn	TCVN 1651:08
31	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn	TCVN 5401:10
32	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5403:10

33	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
	BÊ TÔNG NHỰA	
34	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
35	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11
36	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
37	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
38	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
39	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
40	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
41	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:11
42	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
43	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
44	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
45	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
	NHỰA BITUM	
46	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
47	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05
48	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
49	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
50	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05
51	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05
52	Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:05
53	Xác định khối lượng riêng ở 25 độ C	TCVN 7501:05
54	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
55	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05
	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
56	Thành phần hạt	22TCN 58-84
57	Lượng mất khi nung	22TCN 58-84
58	Hàm lượng nước	22TCN 58-84
59	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
60	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58-84
61	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
62	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
63	Đo rung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
64	Độ ẩm; khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
65	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN8864:11
66	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN8867:11
67	Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11
68	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
69	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
70	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12
71	Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58-84
72	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:12

73	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12
74	Quan trắc lún công trính	TCXDVN 357:05
75	Thí nghiệm CBR – ngoài hiện trường	TCVN 8821:11 ASTM D4429-09a
76	Đo lún công trình	TCVN 9360:12
77	Thử nghiệm cầu	22 TCN 170 - 87
78	Kiểm định cầu	22 TCN 243 - 98
79	Thử nghiệm Rung động và chất động – Rung động giới hạn và phương pháp đánh giá; Độ rung	TCVN 7378-2004; 27:2010/BTNMT
80	Bê tông nặng – Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén.	TCXD 171 - 89
81	Bê tông nặng – Đánh giá Chất lượng Bê tông – Phương pháp xác định vận tốc xung siêu âm	TCXD 225-98
82	Kết cấu bê tông cốt thép – Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCXD 240-2000
83	Kiểm tra không phá hủy – Kiểm tra chất lượng mối hàn ống thép bằng phương pháp siêu âm	TCXD 165-88
84	Kiểm tra các mối hàn bằng siêu âm – Các phương pháp kiểm tra bằng tay các mối hàn nóng chảy trong thép ferit	TCXD 6735-2000
85	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn	ASTM D4945-00
86	Cọc khoan nhồi – Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông	TCXDVN 358-2005
87	Cọc – thí nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ TCXDVN	TCXDVN 359-2005
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
88	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn	TCVN 3121-1:03
89	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
90	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
91	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
92	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
93	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
94	Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây	TCVN 4459:87
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
95	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
96	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
97	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
98	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
99	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09
100	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLÓC BÊ TÔNG	
101	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:99
102	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:99
103	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:99
104	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:99
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
105	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
106	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99
107	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99

108	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO	
109	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:07
110	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:07
111	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:07
112	Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:07
	CƠ LÝ BENTONNIT	
113	Xác định khối lượng riêng	TCXDVN 326:04
114	Độ nhớt	TCXDVN 326:04
115	Hàm lượng cát	TCXDVN 326:04
116	Độ pH	TCXDVN 326:04
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỢP	
117	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:95
118	Độ hút nước	TCVN 4313:95
119	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4313:95
120	Xác định khối lượng 1m2 ngói bão hòa nước	TCVN 4313:95
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
121	Xác định hàm lượng căn không tan	TCVN 4560:88
122	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
123	Xác định độ pH	TCVN 6492:11
124	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96
125	Xác định hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:96
126	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
	THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
127	Xác định độ dày tiêu chuẩn	ASTM D5199:91
128	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D5261:91
129	Cường độ bền chịu kéo giật, độ dãn dài của vải địa kỹ thuật và bấc thấm	ASTM D4632-91
130	Xác định độ bền chịu kéo và độ dãn dài	ASTM D4595:91
131	Xác định sức trọc thủng bằng phương pháp rơi côn	BS 6906 P6:97
132	Xác định độ thấm xuyên	ASTM D4491:91
133	Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	BS 6906 P4:97
134	Tốc độ thoát nước vỏ bọc dưới các cấp áp lực	ASTM D4716:08
135	- Cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011
136	- Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
137	- Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011
138	- Sức chịu chọc thủng	TCVN 8871-4:2011
139	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011
140	- Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011
141	- Lượng thoát nước (Hệ số thấm)	ASTM D4716:08

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.